

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2019/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu 5, xã M, huyện H1, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu 5, xã M, huyện H1, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/4/2001; Nguyễn Việt T, sinh ngày 01/7/2004; Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 01/7/2004. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H được sở hữu toàn bộ các tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4, nhà bếp, công trình phụ, công trình chăn nuôi (Tài sản nằm trên thửa đất số 127 tờ bản đồ số 07, đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/2003 đứng tên Nguyễn Văn H, thửa đất này thuộc sở hữu riêng của anh H) và toàn bộ đồ gia dụng trong nhà gồm có: Bộ bàn ghế salon đại, ti vi sam sung, kệ ti vi, tủ lạnh, máy giặt cửa ngang, máy lọc nước, dàn tủ, bếp ga, bộ khung bát, 20 bộ bàn ghế bát đĩa đầy đủ để cho thuê.

Anh H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H2 số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi). Thời hạn thanh toán chia làm 03 lần:

Lần 1 ngày 15/6/2019 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Lần 2 ngày 15/2/2020 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Lần 3 ngày 15/10/2020 thanh toán 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Huyền có đơn đề nghị thi hành án nếu anh H chậm trả tiền thì anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo lãi xuất bằng 50% mức lãi xuất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.

Về công nợ chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Quốc H tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận anh đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0001842** ngày **20/3/2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Anh H còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã M, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP-KT.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Đình Chi

